

Số: ~~229~~.../QĐ-SNV

Trà Vinh, ngày 24. tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia
TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tỉnh Trà Vinh năm 2018;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 288/QĐ-SNV ngày 27/7/2017 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT. *nhân*



GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Bình

Phụ lục

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH TRÀ VINH
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-SNV ngày 24. tháng 8 năm 2018
của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh)

Stt	Thủ tục hành chính, quy trình hoạt động được công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	Ghi chú
I. Lĩnh vực thẩm định đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		
1.	Thủ tục thẩm định đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
2.	Thủ tục thẩm định đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	
3.	Thủ tục thẩm định đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
II. Lĩnh vực tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ		
4.	Thủ tục thành lập hội	
5.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	
6.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
7.	Thủ tục đổi tên hội và phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)	
8.	Thủ tục hội tự giải thể	
9.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	
10.	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	
11.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
12.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
13.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	
14.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	
15.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	
16.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	
17.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	
18.	Thủ tục đổi tên quỹ	
19.	Thủ tục quỹ tự giải thể	
III. Lĩnh vực bảo trợ xã hội		
20.	Thủ tục thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	
21.	Thủ tục tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân	



	dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	
IV. Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức		
22.	Thủ tục thi tuyển công chức	
23.	Thủ tục xét tuyển công chức	
24.	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức	
25.	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	
26.	Thủ tục xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng	
27.	Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên	
28.	Thủ tục thẩm định Kế hoạch (Đề án) thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức	
29.	Thủ tục thẩm định Kế hoạch thi tuyển viên chức	
30.	Thủ tục thẩm định Kế hoạch xét tuyển viên chức	
31.	Thủ tục thẩm định Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức	
32.	Quy trình thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức (thi tuyển, xét tuyển, xét tuyển đặc cách viên chức)	
33.	Quy trình công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức	
34.	Quy trình thẩm định và thỏa thuận với Ban Tổ chức Tỉnh ủy cử cán bộ, công chức, viên chức đi dự tuyển đầu vào sau đại học trong nước và ngoài nước	
35.	Quy trình thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi dự tuyển đầu vào sau đại học trong nước và nước ngoài	
36.	Quy trình thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phần trăm (%) phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương	
37.	Quy trình thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phần trăm (%) phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang giữ ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương	
38.	Quy trình thỏa thuận nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức đang giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	
39.	Quy trình thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phần trăm (%) phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng I	
40.	Quy trình thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng phần trăm (%) phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức quản lý đang giữ chức danh nghề nghiệp hạng II do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội cấp tỉnh	

41.	Quy trình điều động công chức; chấp thuận cho viên chức chuyển công tác trong tỉnh Trà Vinh	
42.	Quy trình thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	
43.	Quy trình thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	
V. Lĩnh vực Văn thư – Lưu trữ		
44.	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc	
45.	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ	
46.	Thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ	
VI. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng		
47.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	
48.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về thành tích thi đua theo đợt (chuyên đề) hoặc lập thành tích đột xuất	
49.	Thủ tục tặng Cờ thi đua của tỉnh cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề)	
50.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về thành tích đối ngoại	
VII. Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo		
51.	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
52.	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
53.	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
54.	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	
55.	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	
56.	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	
57.	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	

58.	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
59.	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
60.	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
61.	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
62.	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	
63.	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	
64.	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	
65.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	
66.	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
67.	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
68.	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
69.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
70.	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
71.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
72.	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
73.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
74.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ	

	chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
75.	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
76.	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc nhà tu hành	
77.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
78.	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	
79.	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	
80.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	
81.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ dung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc tỉnh	
82.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc tỉnh	
83.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động ở nhiều huyện thuộc tỉnh	
84.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	
85.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ NỘI VỤ TỈNH TRÀ VINH

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
đối với các lĩnh vực hoạt động của Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh
(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-SNV ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Trà Vinh)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

Trà Vinh, ngày 24 tháng 8 năm 2018

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Bình